

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2564/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 26 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong
“Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn
Thủ Thiện Hạ, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định” của
Công ty TNHH Sản xuất Tổng hợp Thành Đạt
(Trữ lượng tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2019)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản các mỏ đất làm vật liệu san lấp;

Căn cứ giấy phép thăm dò số 30/GP-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh Bình Định cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Tổng hợp Thành Đạt;

Xét kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại phiên họp ngày 28/6/2019 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 600/TTr-STNMT ngày 16/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Thủ Thiện Hạ, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định” do Công ty TNHH Sản xuất Tổng hợp Thành Đạt thực hiện, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 04ha có tọa độ được xác định tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp theo cấp 122: 317.600 m³.
- Hệ số nở ròi: 1,098.

3. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

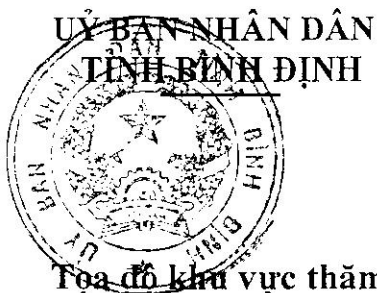
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn, Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Tổng hợp Thành Đạt và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT UBND tỉnh: Trần Châu;
- Lưu: VT, K4.



Trần Châu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 1

Tọa độ khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu
san lấp tại thôn Thủ Thiện Hạ, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, huyện Tây
Sơn, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 2564/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7
năm 2019 của UBND tỉnh Bình Định)

Hệ tọa độ VN-2000 (KKT 108°15', múi chiếu 3°)		
Điểm	X(m)	Y(m)
1	1.534.851	579.040
2	1.534.636	579.042
3	1.534.638	579.228
4	1.534.853	579.226
Diện tích 04ha		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

**Thông kê trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại
thôn Thủ Thiện Hạ, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, huyện Tây Sơn, tỉnh
Bình Định**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 2564/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7
năm 2019 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Số hiệu khối – Cấp trữ lượng	Chiều dày trung bình khối (m)	Trữ lượng địa chất đất san lấp (m ³)
1	K1-122	7,94	317.600
Tổng cộng			317.600